

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP IDJ (IDJ FINANCIAL)
Báo cáo tài chính tóm tắt cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008**

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008**

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2008	01/01/2008
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		81.201.362.852	128.536.128.745
I- Tiền	110		20.443.622.023	15.027.969.878
1. Tiền	111	5.1	20.443.622.023	15.027.969.878
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		58.397.800.240	67.670.964.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	58.397.800.240	67.670.964.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.920.178	33.326.752.001
1. Phải thu khách hàng	131		98.311.626	21.521.652.000
2. Trả trước cho người bán	132		72	-
5. Các khoản phải thu khác	135		86.608.480	11.805.100.001
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV- Hàng tồn kho	140		30.000.000	-
1. Hàng tồn kho	141		30.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.145.020.411	12.510.442.866
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		995.120.758	11.145.475.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		292.165.450	314.967.866
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		857.734.203	1.050.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		84.170.248.190	59.062.910.597
I Các khoản phải thu dài hạn	210		2.006.430.000	101.793.565
4. Phải thu dài hạn khác	218		2.006.430.000	101.793.565
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II Tài sản cố định	220		4.375.322.190	4.497.087.032
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.3	4.373.755.523	4.489.520.365
- Nguyên giá	222		5.510.877.319	4.884.177.435
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.137.121.796)	(394.657.070)
3. Tài sản cố định vô hình	227		1.566.667	7.566.667
- Nguyên giá	228		12.000.000	12.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.433.333)	(4.433.333)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.4	77.788.496.000	54.464.030.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	11.200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12.744.080.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		65.044.416.000	43.264.030.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		165.371.611.042	187.599.039.342

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP IDJ (IDJ FINANCIAL)
Báo cáo tài chính tóm tắt cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008**

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008**

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2008	01/01/2008
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.514.382.810	10.732.357.172
I- Nợ ngắn hạn	310		2.514.382.810	10.732.357.172
2. Phải trả người bán	312		801.700.000	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.5	1.476.405.330	10.508.357.172
6. Chi phí phải trả	316		-	224.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		236.277.480	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		162.805.354.252	176.759.730.170
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.6	159.712.948.323	176.772.890.170
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		149.600.000.000	149.600.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.112.948.323	27.172.890.170
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.092.405.929	(13.160.000)
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		3.092.405.929	(13.160.000)
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			51.873.980	106.952.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		165.371.611.042	187.599.039.342

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP IDJ (IDJ FINANCIAL)
Báo cáo tài chính tóm tắt cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008**

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2008	Năm 2007
			VND	VND
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	5.7	20.565.188.904	41.056.440.000
3. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		20.565.188.904	41.056.440.000
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	5.8	5.457.185.710	8.229.181.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		15.108.003.194	32.827.259.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.9	4.293.355.783	5.725.043.000
7. Chi phí tài chính	22		-	16.072.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.377.754.546	784.701.000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		8.023.604.431	37.751.529.000
11. Thu nhập khác	31		109.878.755	691.000
12. Chi phí khác	32		14.610.721	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		95.268.034	691.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		8.118.872.465	37.752.220.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	1.779.940.866	10.522.378.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.338.931.599	27.229.842.000
18 Lợi ích của cổ đông thiểu số			1.873.980	56.952.000
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		424	1.820

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2009

Kế toán trưởng

(đã ký)

Đỗ Phương Nguyên

Tổng Giám đốc

(đã ký)

Trần Trọng Hiếu